

Số: 18 /NQ-HĐND

Hải Phòng, ngày 18 tháng 7 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua quy hoạch thành phố Hải Phòng
thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHOÁ XVI, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật có liên quan đến quy hoạch; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 1412/QĐ-TTg ngày 15 tháng 9 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Kết luận số 261-KL/TU ngày 13 tháng 7 năm 2023 của Hội nghị Thành uỷ lần thứ 12 khoá XVI;

Xét Tờ trình số 98/TTr-UBND ngày 12 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra của các Ban Hội đồng nhân dân thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch thành phố Hải Phòng) với một số nội dung chính như sau:

I. PHẠM VI, RANH GIỚI QUY HOẠCH

Phạm vi, ranh giới Quy hoạch thành phố Hải Phòng bao gồm toàn bộ phần lãnh thổ đất liền thành phố Hải Phòng và phần không gian biển được xác định theo Luật Biển Việt Nam năm 2012, Nghị định số 40/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo.

II. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ CÁC ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN

1. Quan điểm phát triển

a) Quy hoạch thành phố Hải Phòng phải phù hợp với định hướng, tầm nhìn phát triển đất nước, tinh thần Nghị quyết Đại hội lần thứ XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030 của cả nước, các quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng; cụ thể hóa tư tưởng chỉ đạo về phát triển thành phố của Đảng và Nhà nước; chủ động nắm bắt cơ hội, phát huy lợi thế đặc biệt về cảng biển của thành phố đối với cả miền Bắc, lợi thế nằm trên “hai hành lang một vành đai kinh tế” giữa Việt Nam và Trung Quốc, xây dựng Hải Phòng thành thành phố cảng biển lớn, một trung tâm kết nối trong nước và quốc tế, phát triển “ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở Châu Á”, là động lực phát triển của vùng và cả nước.

b) Mở rộng không gian khu kinh tế ven biển, phát triển nhanh các ngành kinh tế biển, lĩnh vực khoa học - công nghệ biển để Hải Phòng thực sự đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của cả nước, sớm trở thành thành phố có công nghiệp, dịch vụ hiện đại và nông nghiệp công nghệ cao, hữu cơ, xanh, tuần hoàn, gắn với chuyên đổi số, góp phần quan trọng vào việc xây dựng vùng đồng bằng sông Hồng thực sự là vùng động lực phát triển hàng đầu, có vai trò định hướng, dẫn dắt quá trình cơ cấu lại nền kinh tế và chuyển đổi mô hình tăng trưởng của đất nước.

c) Phân bố không gian phát triển hợp lý, gắn kết chặt chẽ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa với đô thị hóa, phát triển thành phố Hải Phòng trở thành đô thị loại đặc biệt, xanh, thông minh. Hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội đồng bộ, hiện đại, trước hết là ưu tiên phát triển hạ tầng giao thông kết nối thông suốt cảng biển với các vùng nội địa, làm cơ sở cho việc phát triển mạnh dịch vụ logistics và hạ tầng phát triển kinh tế số, xã hội số, chính quyền số.

d) Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với đảm bảo quốc phòng, an ninh và đối ngoại, góp phần giữ vững chủ quyền biển, đảo quốc gia; đảm bảo an toàn cuộc sống và sản xuất của người dân, doanh nghiệp cả trên đất liền và trên biển, đảo; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả với trọng tâm là hội nhập kinh tế quốc tế, tận dụng nguồn lực quốc tế phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

đ) Sử dụng hợp lý và hiệu quả các nguồn tài nguyên, phát triển kinh tế xanh, bảo đảm môi trường tự nhiên xanh, sạch, đẹp và hấp dẫn; phát triển bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu phát triển

a) Mục tiêu đến năm 2030

- Mục tiêu tổng quát:

Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành thành phố cảng biển lớn, đi đầu cả nước trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và chuyển đổi số; là động lực phát triển của vùng Bắc Bộ và của cả nước; có công nghiệp hiện đại, thông minh, bền vững; có dịch vụ phát triển hiện đại, là trung tâm du lịch biển quốc tế, kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại kết nối thuận lợi với trong nước và quốc tế bằng cả đường bộ, đường sắt, hàng hải, đường hàng không và đường thủy nội địa; trung tâm logistics quốc tế; trung tâm quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân không ngừng được nâng cao ngang tầm với các thành phố tiêu biểu ở Châu Á; trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm, quốc phòng, an ninh được giữ vững.

- Mục tiêu cụ thể:

+ Về kinh tế:

(1) Tỷ trọng đóng góp GRDP của thành phố Hải Phòng vào tổng sản phẩm (GDP) của cả nước đạt khoảng 6,8%. Tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) bình quân thời kỳ 2021-2030 tăng khoảng 13,5%/năm, trong đó: Công nghiệp - xây dựng tăng khoảng 15,3%/năm (công nghiệp tăng 15,8%/năm, xây dựng tăng 12,2%/năm); dịch vụ tăng khoảng 12,5%/năm; nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khoảng 0,9%/năm;

(2) Cơ cấu kinh tế: Ngành công nghiệp - xây dựng chiếm 51,7% (công nghiệp chiếm 46,8%); ngành dịch vụ chiếm 43,2%; ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 1,0%; và thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 4,1%;

(3) GRDP bình quân đầu người (giá hiện hành) đạt khoảng 558 triệu đồng, tương đương khoảng 21.700 USD;

(4) Đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt 56 - 59%;

(5) Tốc độ tăng năng suất lao động xã hội bình quân thời kỳ 2021-2030 đạt 8,9 - 10,7%/năm;

(6) Kinh tế số đạt khoảng 40% GRDP thành phố;

(7) Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 300 - 310 nghìn tỷ đồng, trong đó thu nội địa đạt 90 - 98 nghìn tỷ đồng;

+ Về văn hóa - xã hội:

(1) Duy trì chỉ số phát triển con người (HDI) của thành phố ở nhóm 5 tỉnh,

thành phố đứng đầu cả nước;

(2) Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia: Mầm non đạt 85%; Tiểu học đạt 95%; Trung học cơ sở đạt 90%; Trung học phổ thông đạt 90%.

(3) Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ đạt 52%;

(4) Số giường bệnh/vạn dân đạt 45 giường; số bác sỹ/vạn dân đạt 16 bác sỹ;

(5) Tỷ lệ hộ nghèo dưới 0,1%;

(6) Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt trên 98%;

(7) Giải quyết việc làm cho trên 6 vạn lượt lao động/năm;

(8) Tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị dưới 3,0%;

(9) Có 100% đơn vị hành chính cấp xã, 60% đơn vị hành chính cấp huyện có Trung tâm văn hóa - thông tin đạt chuẩn theo tiêu chí của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

+ *Về môi trường:*

(1) Tỷ lệ dân số được cung cấp nước sạch đạt 100%;

(2) Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý theo tiêu chuẩn, quy chuẩn đạt 100%;

(3) Tỷ lệ khu, cụm công nghiệp và đô thị có hệ thống xử lý nước thải tập trung đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường đạt 100%;

(4) Tỷ lệ che phủ rừng đạt trên 9% tổng diện tích tự nhiên.

+ *Về không gian và kết cấu hạ tầng:*

(1) Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 74 - 76%;

(2) Cơ bản đạt các tiêu chí của đô thị loại đặc biệt. Thành lập thành phố thuộc thành phố Hải Phòng tại huyện Thủy Nguyên; hoàn thành việc chuyển đổi 50% số huyện thành đơn vị hành chính quận;

(3) Giai đoạn 2021 - 2030, diện tích sàn nhà ở xã hội tăng thêm khoảng 3,5 triệu m².

(4) Có 100% số xã đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu.

+ *Về quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội:*

(1) Bảo đảm quốc phòng an ninh, giữ vững chủ quyền quốc gia; gắn kết chặt chẽ, hài hòa giữa phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh; giữ vững an ninh chính trị, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội;

(2) Hoàn thành 100% chỉ tiêu nghĩa vụ quân sự; 100% chỉ tiêu xây dựng lực lượng dự bị động viên;

(3) Tỷ lệ thường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đạt 100%;

(4) Tỷ lệ điều tra khám phá các vụ án hình sự đạt tỷ lệ trên 92%.

b) Tầm nhìn đến năm 2050

Hải Phòng là thành phố cảng lớn trong khu vực và thế giới, thành phố cảng biển toàn cầu với ba trụ cột phát triển chính: dịch vụ cảng biển; công nghiệp xanh, thông minh, hiện đại và trung tâm du lịch biển quốc tế; quy mô dân số khoảng 4,5 triệu người, có trình độ phát triển cao, môi trường sống tốt, thân thiện với tự nhiên và thích ứng với biến đổi khí hậu, ngang tầm với các thành phố cảng hàng đầu Châu Á và thế giới.

3. Các đột phá phát triển

a) Cảng biển và logistics: Xây dựng thành phố cảng Hải Phòng trở thành một trung tâm logistics quốc tế hiện đại; cảng cửa ngõ Lạch Huyện và cảng Nam Đồ Sơn thành cụm cảng cửa ngõ quốc tế có chức năng trung chuyển container. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong lĩnh vực dịch vụ cảng biển và logistics. Thành lập khu kinh tế ven biển tại phía Nam thành phố, trong đó có khu thương mại tự do.

b) Chuyển đổi số: Chuyển đổi số toàn diện theo Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, là một trong những địa phương đi đầu cả nước về chuyển đổi số, xây dựng chính quyền số, xã hội số và kinh tế số. Đổi mới căn bản, toàn diện hoạt động lãnh đạo, quản lý, điều hành của cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội thành phố dựa trên áp dụng công nghệ số, dữ liệu số. Phát triển mạnh kinh tế số, trước hết là ba trụ cột kinh tế: công nghiệp công nghệ cao, cảng biển - logistics, du lịch - thương mại. Hình thành và phát triển môi trường số an toàn, tiện ích, phục vụ tối đa nhu cầu sản xuất, kinh doanh và đời sống của dân cư.

c) Xây dựng quần thể du lịch biển Hải Phòng (Cát Bà - Đồ Sơn) có sức hấp dẫn cao, thu hút mạnh mẽ khách du lịch quốc tế và trong nước, phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mạnh của thành phố. Liên kết với các tỉnh, thành phố vùng đồng bằng sông Hồng, đặc biệt là Quảng Ninh và các tỉnh Duyên hải Đông Bắc, trở thành trung tâm du lịch biển kết nối với khu vực và thế giới.

III. PHÁT TRIỂN NGÀNH, LĨNH VỰC

1. Phương hướng phát triển các ngành quan trọng

Ưu tiên phát triển các ngành có vai trò dẫn dắt quá trình tăng trưởng kinh tế của thành phố, gồm: (1) Sản phẩm điện tử và công nghệ thông tin; (2) Dịch vụ cảng biển và logistics; (3) Thương mại. Phấn đấu 3 nhóm ngành chiếm tỷ trọng khoảng 55 - 60% giá trị tăng thêm trên địa bàn thành phố vào năm 2030.

Tiếp tục đẩy mạnh phát triển nhóm ngành khai thác thế mạnh đặc trưng truyền thống của thành phố, gồm: (1) Sản xuất trang phục; (2) Sản xuất thiết bị điện; (3) Sản xuất máy móc, thiết bị; (4) Cơ khí tiêu dùng và cơ khí giao thông; (5) Chế biến nhựa, cao su.

Khuyến khích nhóm ngành kinh tế mới nổi, có nhiều triển vọng phát triển như: (1) Kinh tế số; (2) Kinh doanh bất động sản; (3) Dịch vụ tài chính, ngân hàng, bảo hiểm; (4) Dịch vụ du lịch, văn hóa, nghệ thuật; (5) Dịch vụ y tế; (6) Dịch vụ giáo dục, đào tạo nhân lực chất lượng cao; (7) Điện gió ngoài khơi.

2. Lựa chọn phương án tổ chức các hoạt động kinh tế - xã hội

a) Ngành công nghiệp - xây dựng: Khai thác triệt để các tiềm năng, lợi thế sẵn có để ngành công nghiệp - xây dựng tiếp tục đóng vai trò là trụ cột kinh tế của Hải Phòng. Thành lập khu kinh tế ven biển ở phía Nam thành phố; xây dựng các khu, cụm công nghiệp theo quy hoạch.

b) Các ngành dịch vụ: Phát triển nhanh các ngành dịch vụ với chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh cao. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số vào lĩnh vực dịch vụ, trọng tâm là dịch vụ cảng biển, logistics, du lịch và thương mại. Tập trung khai thác thế mạnh tài nguyên du lịch biển của Hải Phòng (Cát Bà - Đồ Sơn), liên kết với các tỉnh, thành phố để xây dựng Hải Phòng trở thành trung tâm du lịch biển quốc tế.

c) Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản: Phát triển nông nghiệp hiệu quả, bền vững, sinh thái theo hướng nền nông nghiệp đô thị ứng dụng công nghệ cao, thông minh, nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn theo chuỗi giá trị, trên cơ sở hình thành các vùng sản xuất chuyên canh, an toàn dịch bệnh, tạo ra sản phẩm sạch đạt các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế. Phát triển sản xuất thủy sản theo chuỗi giá trị gia tăng, tăng tỷ trọng khu vực sản xuất ứng dụng công nghệ cao, gắn với giữ gìn môi trường, cảnh quan sinh thái; phát triển đội tàu phục vụ đánh bắt xa bờ. Xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại Hải Phòng gắn với ngư trường Vịnh Bắc Bộ tại Thủy Nguyên. Bảo vệ tốt diện tích rừng hiện có, nhất là rừng tự nhiên.

d) Kinh tế biển, đảo: Khai thác hiệu quả vị thế, tiềm năng phát triển các ngành kinh tế biển, đưa Hải Phòng thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế. Phát triển mạnh các ngành kinh tế hàng hải, du lịch biển, nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản, năng lượng tái tạo và các ngành kinh tế biển mới. Xây dựng Hải Phòng trở thành Trung tâm quốc tế đào tạo, nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ về biển. Phát triển kinh tế các huyện đảo gắn với thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh, bảo tồn đa dạng sinh học và các hệ sinh thái biển. Xây dựng trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc tại đảo Bạch Long Vĩ. Kiểm soát khai thác tài nguyên biển trong khả năng phục hồi của hệ sinh thái biển.

d) Các lĩnh vực văn hóa – xã hội

(1) *Giáo dục và đào tạo*: Tiếp tục đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo; xây dựng, phát triển hệ thống các cơ sở giáo dục, đào tạo, đặc biệt chú trọng đào tạo các ngành nghề kinh tế biển; thu hút, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

(2) *Y tế và chăm sóc sức khỏe*: Phát triển hệ thống y tế Hải Phòng thành trung tâm y tế của vùng Duyên hải Bắc Bộ, hiện đại, chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu chăm sóc, bảo vệ sức khỏe của nhân dân.

(3) *Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số*: Xây dựng thành phố Hải Phòng trở thành trung tâm quản lý, nghiên cứu, phát triển khoa học - công nghệ biển của cả nước. Xây dựng và phát triển các khu, trung tâm khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo tại Hải Phòng. Xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh, đổi mới mô hình tăng trưởng và bảo đảm tính bền vững.

(4) *Văn hóa, thể thao*: Xây dựng và phát triển Hải Phòng trở thành trung tâm văn hóa, thể thao và du lịch của vùng Duyên hải Bắc Bộ. Phát huy thế mạnh văn hóa, con người của thành phố biển Hải Phòng, tạo thành sức mạnh tinh thần to lớn, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững. Xây dựng các thiết chế văn hóa phù hợp với quá trình đô thị hóa; bảo tồn các công trình văn hóa vật thể, phát huy những nét đẹp của văn hóa phi vật thể; không ngừng nâng cao đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân. Phát triển sâu rộng và bền vững hoạt động thể dục thể thao; phát triển thể thao thành tích cao, tập trung vào các môn thể mạnh.

(5) *An sinh xã hội*: Tiếp tục thực hiện chủ trương “Đầu tư cho an sinh, phúc lợi xã hội đi trước một bước so với phát triển kinh tế”. Các chế độ, chính sách của thành phố đối với người có công, đối tượng chính sách bảo đảm ngày càng tốt hơn và dẫn đầu trong cả nước. Quan tâm chăm lo nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, đặc biệt là hai huyện đảo. Phát triển hệ thống an sinh xã hội đa dạng, nâng cao hiệu quả trợ giúp xã hội.

3. Phương án phát triển mạng lưới giao thông

Bám sát định hướng của quy hoạch cấp quốc gia để phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông chiến lược của thành phố, bảo đảm đồng bộ, hiện đại, liên thông, tổng thể, thúc đẩy liên kết vùng.

Phát triển, hoàn thiện khu bến Lạch Huyện với chức năng cảng cửa ngõ kết hợp trung chuyển quốc tế; xây dựng cảng Nam Đồ Sơn thành cảng cửa ngõ trung chuyển quốc tế, kết hợp quốc phòng - an ninh khi có yêu cầu. Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường bộ liên vùng, xây dựng đường cao tốc ven biển.

Xây dựng mới tuyến đường sắt Hà Nội - Hải Phòng (thuộc tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng) song song với tuyến đường bộ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng (đến ga Nam Hải Phòng) kết nối Cảng cửa ngõ quốc tế Hải Phòng với các khu bến cảng Đình Vũ, Nam Đồ Sơn; tuyến đường sắt ven biển Nam Định - Thái Bình - Hải Phòng - Quảng Ninh (bao gồm cả đoạn Nam Hải Phòng - Hạ Long) kết nối cảng Nam Đồ Sơn với các tỉnh Duyên hải Bắc Bộ.

Quy hoạch các bến tàu khách du lịch kết hợp thương mại, dịch vụ du lịch ven sông Cấm, Cát Hải, Đồ Sơn; bến tàu khách trung tâm Cát Bà, Cái Viêng, bến Gót, Cát Hải, Hải An, Đồ Sơn. Nâng cấp hệ thống cảng thủy nội địa trên hệ thống sông Đá Bạch, sông Cấm, sông Kinh Môn, sông Văn Úc, sông Lạch Tray.

Nâng cấp, mở rộng Cảng Hàng không quốc tế Cát Bi. Quy hoạch xây dựng sân bay taxi tại Đồ Sơn, Cát Bà, Bạch Long Vĩ phục vụ du lịch và cứu hộ. Nghiên cứu xây dựng Cảng Hàng không quốc tế tại huyện Tiên Lãng.

Phát triển các tuyến trục chính đô thị hướng tâm và đường vành đai thành phố. Xây dựng các nút giao thông khác mức tại các giao lộ có mật độ cao; xây dựng mới hệ thống cầu vượt, cầu qua sông tại các trục đường chính. Bố trí quỹ đất hợp lý để xây dựng các điểm đỗ xe, bãi đỗ xe; xây dựng các tuyến xe buýt nhanh; các tuyến đường sắt đô thị và các ga kết nối các đô thị, khu chức năng và đầu mối giao thông chính của thành phố. Mở rộng quy hoạch hệ thống giao thông, không gian ngầm để kết hợp các công trình thương mại, dịch vụ.

4. Phương án phát triển năng lượng và mạng lưới cấp điện

Tập trung phát triển nguồn năng lượng tái tạo phù hợp với quy hoạch tổng thể về năng lượng, quy hoạch phát triển điện lực quốc gia, trong đó ưu tiên phát triển nguồn điện gió ngoài khơi, khuyến khích các dự án đốt rác phát điện. Tiếp tục xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp và đường dây điện 500kV, 220kV và 110 kV, các đường dây trung thế, hạ thế kết nối với các nguồn điện mới đáp ứng nhu cầu phụ tải tăng, đặc biệt là tại các khu kinh tế, khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cảng biển. Phát triển hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt tại các khu vực có cảng biển nước sâu và thuận lợi kết nối với hệ thống cung ứng.

5. Phương án phát triển mạng lưới viễn thông

Phát triển mạng lưới viễn thông hiện đại, đáp ứng nhu cầu chuyển đổi sang nền kinh tế số, chính quyền số, xã hội số. Đảm bảo kết nối thông suốt, an toàn, an ninh mạng trên địa bàn toàn thành phố. Xây dựng các trung tâm dữ liệu của thành phố đồng bộ với hạ tầng dữ liệu của quốc gia. Xây dựng trung tâm điều hành đô thị thông minh tại các đô thị mới; trung tâm ứng dụng chương trình kỹ thuật số, trung tâm dữ liệu Bigdata. Từng bước kết nối với mạng lưới đô thị thông minh trong vùng Đồng bằng sông Hồng và quốc gia. Phát triển nhanh, đa dạng hóa, khai thác có hiệu quả các loại hình dịch vụ của hệ thống bưu chính; phát triển hạ

tăng phát thanh, truyền hình hiện đại.

6. Phương án phát triển mạng lưới thủy lợi, cấp nước

Phát triển thủy lợi theo hướng hiện đại, bảo đảm cấp, thoát nước cho dân sinh, các ngành kinh tế; chủ động phòng chống và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, nước biển dâng. Tiếp tục xây dựng và cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước đô thị, nông thôn và công nghiệp nhằm đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt và sản xuất. Triển khai các dự án cải tạo hệ thống công trình liên quan đến bảo vệ nguồn nước, nâng cao năng lực cấp nước, trữ nước. Nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt và hệ thống thủy lợi phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên các đảo Cát Bà và Bạch Long Vĩ.

7. Phương án phát triển các khu xử lý chất thải

Thực hiện hiệu quả việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; chú trọng xây dựng, nhân rộng các mô hình phân loại chất thải rắn tại nguồn, thu gom, tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi. Bố trí hợp lý các cơ sở xử lý chất thải trên địa bàn thành phố. Ưu tiên công nghệ đốt tại các khu xử lý rác thải; có lộ trình thay đổi công nghệ, dừng hoạt động chôn lấp tại khu chất thải rắn Tràng Cát, Đình Vũ. Từng bước đóng cửa và phục hồi môi trường các bãi rác tạm; đầu tư xây dựng, cải tạo các trạm trung chuyển, điểm tập kết chất thải rắn để thuận lợi cho việc thu gom và vận chuyển đến các khu xử lý tập trung.

Nước thải đô thị, nông thôn phải được thu gom, xử lý đảm bảo tiêu chuẩn trước khi thoát ra môi trường. Tất cả các nhà máy trong khu, cụm công nghiệp, làng nghề phải có công trình xử lý nước thải cục bộ trước khi đưa đến trạm xử lý nước thải tập trung.

8. Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại

Xây dựng Hải Phòng thành khu vực phòng thủ vững chắc đúng với vị trí chiến lược về quốc phòng, an ninh đối với Quân khu 3 và cả nước; trở thành thành phố an toàn, thân thiện; tạo môi trường thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm cuộc sống bình yên cho nhân dân thành phố. Xây dựng các công trình phòng thủ theo quy hoạch, vừa bảo đảm quốc phòng - an ninh, vừa phục vụ sản xuất kinh doanh. Xây dựng mạng lưới hạ tầng phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ đảm bảo an toàn cho sản xuất và đời sống. Xây dựng lực lượng vũ trang thành phố đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới theo hướng cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

Tăng cường củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác, hữu nghị với các nước, các địa phương và vùng lãnh thổ trên thế giới, các tổ chức quốc tế, các doanh nghiệp, tập đoàn lớn. Đẩy mạnh các hoạt động xúc tiến, thu hút FDI, ODA theo hướng

chọn lọc, ưu tiên các dự án có sức lan tỏa, dẫn dắt, giá trị gia tăng cao, công nghệ tiên tiến, thân thiện môi trường, phù hợp với định hướng phát triển của thành phố.

IV. PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN LÃNH THỔ

1. Phương án phát triển các vùng có vai trò động lực

- Trung tâm đô thị lịch sử được chỉnh trang bảo tồn, tôn tạo các không gian, các công trình kiến trúc có giá trị cao, cải tạo cảnh quan dọc theo các dòng sông, nâng cấp hạ tầng để tạo dựng bản sắc của một đô thị có bề dày lịch sử.

- Trung tâm hành chính - chính trị tập trung tại khu đô thị mới Bắc sông Cẩm.

- Trung tâm du lịch biển tại Đồ Sơn, Cát Bà....

- Hình thành trung tâm đô thị mới, Khu kinh tế ven biển tại phía Nam thành phố Hải Phòng. Ưu tiên phát triển các dự án khu, cụm công nghiệp, trung tâm logistics tầm cỡ quốc tế, các khu đô thị dọc theo tuyến đường bộ ven biển và các tuyến đường nối với tuyến đường bộ ven biển, tận dụng lợi thế của khu vực Quy hoạch cảng Nam Đồ Sơn và sân bay Tiên Lãng.

2. Phương án phát triển các khu chức năng, khu kinh tế

a) Phân khu hành chính cấp thành phố: Hoàn thành xây dựng khu trung tâm hành chính - chính trị mới thành phố tại Bắc sông Cẩm.

b) Phân khu hệ thống khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp: Ưu tiên nâng cao tỷ lệ lấp đầy khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp hiện có, tiếp tục xây dựng, mở rộng khu kinh tế, các khu, cụm công nghiệp mới. Thành lập Khu kinh tế ven biển mới tại phía Nam thành phố Hải Phòng.

c) Khu du lịch gồm: Khu du lịch - dịch vụ Đồ Sơn là trung tâm du lịch kết hợp với hội thảo, hội nghị, sự kiện, thể thao, vui chơi giải trí, tín ngưỡng và các lễ hội biển. Khu du lịch Cát Bà, Long Châu, Bạch Long Vĩ là các khu du lịch dịch vụ biển kết hợp bảo vệ, gìn giữ môi trường sinh thái. Khu phố cổ và Thủy Nguyên là khu du lịch - thương mại dựa trên giá trị về lịch sử, kiến trúc. Hình thành tuyến du lịch di sản văn hoá: Cái Bèo - Bạch Đằng Giang - Núi Voi - Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm - Khu tưởng niệm Vương triều Mạc...

d) Khu thương mại - dịch vụ logistics: Các khu thương mại tập trung tại khu vực Ngô Quyền, Hồng Bàng, Lê Chân và khu Trung tâm hành chính - chính trị tại Bắc sông Cẩm. Khu dịch vụ logistics tập trung chủ yếu tại Hải An, An Lão, Cát Hải, Tiên Lãng, Kiến Thụy; hình thành không gian dịch vụ logistics mới tại huyện Kiến Thụy, Tiên Lãng gắn với tuyến đường cao tốc ven biển, cảng Nam Đồ Sơn, khu kinh tế ven biển phía Nam thành phố và sân bay quốc tế Tiên Lãng.

đ) Khu thể dục - thể thao: Duy trì tốt hệ thống các công trình thể dục thể thao hiện có. Nâng cấp, xây dựng mới một số công trình thể thao lớn: sân vận động,

Khu Liên hợp thể dục thể thao, Khu huấn luyện đua thuyền, Khu huấn luyện thể thao biển và cứu hộ, hệ thống các trung tâm thể dục – thể thao trên địa bàn thành phố.

e) Khu khoa học - công nghệ: Phát huy tốt các cơ sở nghiên cứu khoa học hiện có; nghiên cứu xây dựng Công viên khoa học và đổi mới sáng tạo, Khu công nghiệp công nghệ cao, Khu công nghệ thông tin, Khu nghiên cứu Hải dương học... .

g) Khu bảo tồn thiên nhiên: Bảo tồn và sử dụng bền vững các hệ sinh thái tự nhiên, quan trọng Khu Dự trữ sinh quyển Quần đảo Cát Bà, Vườn Quốc gia Cát Bà, Khu bảo tồn biển Bạch Long Vĩ; Bảo vệ và sử dụng có hiệu quả khu vực cửa sông Thái Bình và cửa sông Văn Úc.

3. Phương án tổ chức hệ thống đô thị và tổ chức lãnh thổ khu vực nông thôn; phân bố hệ thống các điểm dân cư nông thôn

Thành phố Hải Phòng là đô thị loại I trực thuộc Trung ương. Đến năm 2030, hệ thống đô thị gồm: Khu vực nội thị (09 quận, trong đó có 07 quận hiện hữu và 02 quận thành lập mới: An Dương, Kiến Thụy); 01 đô thị loại III (thành phố Thủy Nguyên); 04 đô thị loại IV; 09 đô thị loại V. Xây dựng thí điểm đô thị thông minh tại Thủy Nguyên và phát triển rộng ra các quận, huyện trên địa bàn thành phố. Sau năm 2030, phát triển các huyện An Lão, Vĩnh Bảo và Tiên Lãng trở thành thị xã.

Đối với khu vực nông thôn thuộc thành phố Thủy Nguyên và các huyện dự kiến lên thị xã gồm An Lão, Vĩnh Bảo, Tiên Lãng: phát triển nông thôn theo hướng hiện đại hóa, chủ yếu phát triển các ngành nghề mới và chuyên môn hóa như sản xuất tiêu thụ công nghiệp - xây dựng và dịch vụ. Phát triển dịch vụ hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, du lịch, nghỉ dưỡng và hướng tới các tiêu chuẩn của đô thị. Phân định rõ không gian khu dân cư và vùng sản xuất nông nghiệp để gìn giữ các quỹ đất sạch dự phòng cho phát triển.

Thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo các quy định, tiêu chuẩn, hướng dẫn của Trung ương và phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thành phố.

4. Phương án phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung

Vùng sản xuất nông nghiệp gắn với các hành lang sông Đá Bạch, sông Cấm, sông Lạch Tray, sông Đa Độ, sông Văn Úc, sông Thái Bình. Phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao cấp quốc gia tại Tiên Lãng, Thủy Nguyên, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy, An Dương, An Lão.

Xây dựng hệ thống chợ đầu mối nông sản, thủy sản ở Thủy Nguyên, Đồ Sơn, An Lão, Vĩnh Bảo, Kiến Thụy; cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tập trung tại các

huyện, quận trên địa bàn thành phố. Xây dựng Trung tâm nghề cá lớn tại Hải Phòng. Xây dựng mới trung tâm hậu cần nghề cá và tìm kiếm cứu nạn khu vực phía Bắc ở Bạch Long Vĩ, khu neo đậu tàu tránh bão vùng giáp bờ ở Cát Hải, vùng xa bờ ở Bạch Long Vĩ.

5. Phương án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, vùng huyện

Thành phố có 03 Vùng liên huyện: Vùng liên huyện phía Tây, Vùng liên huyện phía Nam và Vùng liên huyện biển đảo.

Vùng liên huyện phía Tây gồm Thủy Nguyên, An Dương, An Lão: Là trung tâm hành chính, chính trị thành phố Hải Phòng; Cửa ngõ kết nối Hải Phòng với Hà Nội và hành lang công nghiệp qua quốc lộ 18; Là trung tâm công nghiệp, dịch vụ logistics, giáo dục, y tế, khoa học công nghệ vùng Duyên hải Bắc Bộ.

Vùng liên huyện phía Nam gồm Kiến Thụy, Tiên Lãng và Vĩnh Bảo: Là cửa ngõ kết nối Hải Phòng với quốc tế trong tương lai và với các tỉnh Duyên hải qua tuyến đường bộ ven biển Hải Phòng – Ninh Bình; Trung tâm chế biến nông nghiệp công nghệ cao; Trung tâm dịch vụ hàng hải, hàng không quốc tế, từng bước chuyển đổi phát triển lĩnh vực dịch vụ logistics.

Vùng liên huyện biển đảo gồm Cát Hải và Bạch Long Vĩ: Là cửa ngõ thiên nhiên, đại diện hệ sinh thái đa dạng kết hợp vùng ngập nước, rừng nguyên sinh, biển, đảo; Trung tâm nghề cá và tìm kiếm cứu hộ khu vực Bắc Bộ; Trọng điểm phát triển kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng, an ninh.

6. Phương án phân bổ và khoanh vùng đất đai

Nguồn lực đất đai phải được điều tra, đánh giá, thống kê, kiểm kê, lượng hóa, hạch toán đầy đủ trong nền kinh tế, được quy hoạch sử dụng hiệu quả, hợp lý, tiết kiệm, bền vững với tầm nhìn dài hạn; đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo động lực cho sự phát triển của thành phố. Đảm bảo việc bố trí sử dụng đất hợp lý trên cơ sở cân đối nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực phù hợp với chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 – 2030 và thực tiễn, yêu cầu phát triển của thành phố.

V. BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC; KHAI THÁC SỬ DỤNG BẢO VỆ TÀI NGUYÊN; PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

1. Phương án bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

a) Bảo vệ môi trường

Phân vùng môi trường thành phố Hải Phòng theo vùng bảo vệ nghiêm ngặt, vùng hạn chế phát thải và vùng khác để làm cơ sở cho triển khai các giải pháp về bảo vệ môi trường.

b) Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

Duy trì tính ổn định hệ thống các khu bảo tồn hiện có trên địa bàn thành phố tại khu vực đảo Cát Bà và Bạch Long Vĩ, đặc biệt chú trọng bảo tồn các nguồn gen quý hiếm, đặc hữu. Chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu. Thành lập mới Khu bảo tồn biển Cát Bà.

c) Các trạm, điểm quan trắc môi trường

Phát triển hạ tầng, thiết bị, mạng lưới quan trắc cho từng loại môi trường; bố trí các điểm quan trắc môi trường không khí, môi trường mặt nước mặt, môi trường nước ven bờ biển, môi trường nước dưới đất, môi trường đất, trầm tích ven bờ và cửa sông... Xây dựng trạm quan trắc môi trường tự động quan trắc môi trường nước biển và trạm quan trắc môi trường không khí.

d) Phân bố các khu nghĩa trang liên huyện

Đóng cửa nghĩa trang Ninh Hải (quận Dương Kinh), nghĩa trang Nghĩa Lộ (huyện Cát Hải); nâng cấp mở rộng nghĩa trang Phi Liệt, nghĩa trang Thủy Sơn (huyện Thủy Nguyên); xây dựng mới nghĩa trang Đồng Rừng (huyện Tiên Lãng), nghĩa trang An Sơn (huyện Thủy Nguyên) và các nghĩa trang cấp huyện. Ưu tiên đầu tư và phát triển hình thức hỏa táng với công nghệ hiện đại.

2. Phương án thăm dò, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản

a) Khu vực thăm dò, khai thác sử dụng và bảo vệ tài nguyên khoáng sản: Tăng cường công tác khảo sát, đánh giá chất lượng, trữ lượng khoáng sản, quy mô tài nguyên khoáng sản đặc biệt là tài nguyên, khoáng sản biển. Nâng cao hiệu lực hiệu quả công tác quản lý nhà nước đối với công tác quản lý tài nguyên khoáng sản trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

b) Địa điểm có khoáng sản nhưng chưa khai thác, cấm khai thác, cần bảo vệ trong thời kỳ quy hoạch: Khu vực đất có di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng hoặc được khoanh vùng bảo vệ theo quy định của Luật Di sản văn hóa; khu vực đất rừng đặc dụng, đất rừng phòng hộ hoặc đất quy hoạch trồng rừng phòng hộ, khu bảo tồn địa chất; khu vực đất quy hoạch dành cho mục đích quốc phòng, an ninh hoặc gây ảnh hưởng đến việc thực hiện các nhiệm vụ quốc phòng, an ninh; đất do cơ sở tôn giáo sử dụng; đất thuộc hành lang hoặc phạm vi bảo vệ công trình giao thông, thủy lợi, đê điều; hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, dẫn điện, xăng dầu, khí, thông tin liên lạc.

3. Phương án khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống khắc phục hậu quả tác hại do nước gây ra

Khai thác có hiệu quả nguồn nước mặt dồi dào của hệ thống sông ngòi trên địa bàn thành phố, đảm bảo đủ số lượng, chất lượng nước ngọt, phân bổ hợp lý theo địa bàn và theo mùa, đáp ứng tốt nhất nhu cầu sinh hoạt của dân cư và sản

xuất. Hiện đại hóa các công trình điều tiết, khai thác, sử dụng nước, phát triển tài nguyên nước, nâng cao khả năng tích nước, trữ nước.

Xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước đáp ứng yêu cầu giám sát dòng chảy, chất lượng nước ở các vị trí trên các dòng sông. Ngăn ngừa nguy cơ gây ô nhiễm nguồn nước. Quản lý, giám sát chặt chẽ nguồn nước thải từ các cơ sở sản xuất và khu dân cư. Quản lý không gian tiêu thoát nước, bảo đảm lưu thông dòng chảy trên các sông, kênh mương.

Duy trì độ che phủ rừng vùng ven biển và diện tích đất ngập nước ven biển để ngăn sóng bảo vệ đê biển, đê sông và các đảo. Quản lý tốt việc khai thác cát, sỏi ở những khu vực dễ xảy ra xói, sạt lở bờ.

Phòng, chống và khắc phục tình trạng sụt, lún đất; xâm nhập mặn; lũ, lụt, hạn hán, nhất là ở khu vực ven biển. Tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành phố vùng Đồng bằng sông Hồng trong khai thác, sử dụng và bảo vệ nguồn nước.

4. Phương án phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Phân vùng rủi ro đối với từng loại thiên tai trên địa bàn thành phố và xác định các khu vực ưu tiên phòng, chống đối với từng loại thiên tai.

Đầu tư xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện một số tuyến đê sông, đê biển kém ổn định và xung yếu để đảm bảo an toàn các tuyến đê, cống tiêu thoát mưa, lũ. Xây dựng, nâng cấp các công trình quan trọng tại các vùng có nguy cơ ngập lụt cao trong khu vực đô thị, khu vực ven biển và các công trình phòng chống thiên tai nhằm nâng cao khả năng ứng phó với các tình huống thiên tai khẩn cấp và biến đổi khí hậu.

Xây dựng các kế hoạch, phương án, chuẩn bị nhân lực, vật tư, phương tiện, nhu yếu phẩm theo phương châm “bốn tại chỗ” và “ba sẵn sàng” nhằm đảm bảo ứng phó với các kịch bản thiên tai xảy ra. Xây dựng, củng cố mạng lưới trạm khí tượng thủy văn phục vụ giám sát, cảnh báo, dự báo khí tượng thủy văn, phòng, chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu.

VI. DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN VÀ THỨ TỰ ƯU TIÊN TRIỂN KHAI THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ

Trên cơ sở định hướng phát triển các ngành, lĩnh vực trọng điểm, xác định các dự án lớn, có tính chất quan trọng, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng, phát triển kinh tế - xã hội để đầu tư và thu hút đầu tư, tùy thuộc vào nhu cầu và khả năng cân đối, huy động vốn đầu tư của từng thời kỳ.

VII. GIẢI PHÁP, NGUỒN LỰC THỰC HIỆN QUY HOẠCH

1. Huy động vốn đầu tư.
2. Phát triển nguồn nhân lực.

3. Bảo vệ môi trường.
4. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.
5. Cơ chế, chính sách liên kết phát triển.
6. Quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn.
7. Nâng cao hiệu quả, hiệu lực của bộ máy quản lý hành chính nhà nước.
8. Cơ chế chính sách.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố khẩn trương hoàn thiện hồ sơ, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 theo ý kiến tham gia của Hội đồng thẩm định, bảo đảm tính khoa học, thực tiễn, tính kế thừa, đổi mới, phát triển các quy hoạch của giai đoạn trước và các yếu tố, cơ hội mới, các định hướng của thành phố trong tổng thể định hướng phát triển quốc gia, quy hoạch ngành, quy hoạch vùng.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các Ban Hội đồng nhân dân thành phố, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khoá XVI, kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 18 tháng 7 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban TVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, CP;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ KHĐT;
- TTTU, TTHĐND TP, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Ủy ban MTTQVN TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐDBQH và HĐND, UBND TP;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể TP;
- Các Quận, Huyện ủy;
- TT HĐND, UBND các quận, huyện;
- Công báo HP, Công TTĐT TP;
- Báo HP, Đài PT và TH HP;
- CV VP ĐDBQH&HĐND TP;
- Lưu: VT, HSKH.



Phạm Văn Lập